

KINH SỐ 3

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

–Nay, ta sẽ nói về bảy sử¹, các ông hãy ghi nhớ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn nói:

–Những gì là bảy?

1. Sử tham dục.
2. Sử sân hận.
3. Sử kiêu mạn.
4. Sử ngu si.
5. Sử nghi.
6. Sử tà kiến.
7. Sử tham đắm thế gian².

Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sinh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sinh tử. Giống như hai con trâu một đen, một trắng cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sinh này cũng như vậy, bị tham dục sử, vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ phàm phu bị bảy sử này trói buộc trôi lăn mãi trong sinh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tặc ma. Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Những gì là bảy? Sử tham dục, dùng niệm giác ý để trị. Sử sân hận, dùng pháp giác ý để trị. Sử tà kiến, dùng tinh tấn giác ý để trị. Sử tham đắm thế gian, dùng hỷ giác ý để trị. Sử kiêu mạn dùng khinh an* giác ý để trị. Sử nghi, dùng định giác ý để trị. Sử vô minh, dùng xả* giác ý để trị. Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy Giác ý để trị bảy sử ấy.

Tỳ-kheo nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới bóng cây, suy nghĩ như vậy: “Chúng sinh Dục giới bị những gì trói buộc?” Lại nghĩ: “Chúng sinh này bị bảy sử cuốn trôi trong sinh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói, không giải thoát được.” Rồi Ta lại nghĩ: “Lấy gì để trị bảy sử này?” Ta lại suy nghĩ: “Bảy sử này nên dùng bảy giác ý để trị. Ta hãy tư duy về bảy Giác ý.” Khi tư duy bảy Giác ý, tâm dứt sạch hữu lậu, liền được giải thoát. Sau khi thành đạo Vô thượng Chánh chân, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy Giác ý này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy Giác ý.

1. Thất sử 七使; tức bảy tùy miên. Cf. Pāli, A. iv. 9: sattannaṃ, anusayānaṃ, có bảy tùy miên.

2. Pāli: Kāmarāga, dục tham; paṭigha, sân; diṭṭha, kiến; vicikiccha, nghi; māna, mạn; bhavarāga, hữu tham; avijja, vô minh.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 4

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

–Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người?

1. Hành Từ.
2. Hành Bi.
3. Hành Hỷ.
4. Hành Xả*.
5. Hành Không.
6. Hành Vô tướng.
7. Hành Vô nguyện.

Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Vì sao? Vì có chúng sinh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo.

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn :

–Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật mà lại nói bảy pháp này?

Thế Tôn nói:

–Bảy hạng người, hành Từ,... hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được báo hiện tiền; nhưng cúng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo. Cho nên, A-nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại ao Di hâu, Tỳ-xá-ly cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, đến giờ khát thực, Thế Tôn đắp y mang bát cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khát thực. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có trưởng giả tên Tỳ-la-tiên nhiều của lắm báu không thể đếm xuể, nhưng lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc ấy, trưởng giả kia dẫn các thể nữ ở hậu cung ca múa vui đùa với nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến con đường ấy, biết mà vẫn hỏi A-nan:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Tiếng đồn ca đang nghe phát ra từ nhà nào vậy?

A-nan bạch Phật:

–Đó là từ nhà của trưởng giả Tỳ-la-tiên.

Phật bảo A-nan:

–Sau bảy ngày nữa, trưởng giả này sẽ qua đời, sinh vào địa ngục Thế khốc.³ Vì sao? Đó là pháp thường. Nếu người nào đoạn hết căn lành, khi mạng chung đều sinh vào địa ngục Thế khốc. Nay trưởng giả này đã hết phước cũ lại không tạo phước mới.

A-nan bạch Phật:

–Có nhân duyên gì khiến trưởng giả này sau bảy ngày không qua đời không?

Phật bảo A-nan:

–Không có nhân duyên nào để không qua đời. Những hành vi đã tạo kiếp trước hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.

A-nan bạch Phật:

–Có phương cách nào giúp trưởng giả này không sinh vào địa ngục Thế khốc không?

Phật bảo A-nan:

–Có cách này có thể giúp trưởng giả không vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

–Nhân duyên nào để trưởng giả không vào địa ngục?

Phật bảo A-nan:

–Nếu trưởng giả này, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì tránh khỏi tội này được.

A-nan bạch Phật:

–Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo!

Rồi thì A-nan từ giã Thế Tôn, đi đến nhà trưởng giả này, đứng ở ngoài cửa. Khi ấy, trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến, liền ra nghênh đón và mời ngồi. A-nan bảo trưởng giả:

–Hiện tôi ở gần Bạc Nhất Thiết Trí, nghe Như Lai báo trước về thân ông, sau bảy ngày nữa thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục Thế khốc.

Trưởng giả nghe rồi, trong lòng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, thưa với A-nan:

–Có cách nào giúp trong bảy ngày không qua đời không?

A-nan đáp:

–Không có cách nào giúp trong bảy ngày thoát khỏi mạng chung.

Trưởng giả lại bạch:

–Có cách nào giúp con mạng chung không sinh vào địa ngục Thế khốc không?

A-nan đáp:

–Thế Tôn có dạy như vậy: “Nếu trưởng giả cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì không vào trong địa ngục.” Nay trưởng giả có thể xuất gia học đạo để đến bờ kia.

Trưởng giả bạch:

–Ngài A-nan, hãy đi trước, tôi sẽ đến ngay.

Sau đó, A-nan liền ra đi. Trưởng giả tự nghĩ: “Bảy ngày hãy còn xa. Nay ta có thể tự vui thích ngũ dục, sau đó sẽ xuất gia học đạo.”

Hôm sau, A-nan lại đến nhà trưởng giả, nói với trưởng giả:

³. Thế khốc 涕哭; TNM: Đê khốc. Có lẽ tên khác của địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Cf. Trường 19.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày, đúng lúc xuất gia!

Trưởng giả bạch:

–Ngài A-nan, hãy đi trước đi, tôi sẽ theo ngay.

Nhưng trưởng giả kia vẫn cố không đi. Qua hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày, lúc này A-nan đến nhà trưởng giả báo trưởng giả:

–Đúng lúc hãy xuất gia, kéo sau hối hận không kịp. Nếu không xuất gia, hôm nay mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Trưởng giả bạch A-nan:

–Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.

A-nan bảo:

–Trưởng giả, hôm nay dùng thần túc gì để đến nơi ấy, mà bảo tôi đi trước? Nay cả hai phải đi cùng lúc.

Lúc ấy, A-nan dẫn trưởng giả này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

–Trưởng giả này, nay muốn xuất gia học đạo, cúi xin Như Lai cho phép cạo bỏ râu tóc, khiến được học đạo.

Phật bảo A-nan:

–Nay ông hãy đích thân độ cho trưởng giả này.

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền cạo bỏ râu tóc cho trưởng giả, dạy cho đắp ba pháp y, cho học chánh pháp. Bấy giờ, A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

–Ông hãy nhớ nghĩ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh, niệm an-ban, niệm thân, niệm tử. Hãy tu hành pháp như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo. Hành mười niệm này thì lập tức được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.

Sau khi tu tập pháp như vậy rồi, ngay trong ngày hôm đó, mạng chung sinh lên Tứ Thiên vương.

Bấy giờ, A-nan liền hỏa thiêu thân kia, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời. Ông sinh về nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo này chết sinh lên Tứ Thiên vương.

A-nan bạch Phật:

–Ở đó mạng chung sẽ sinh nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đó mạng chung sẽ sinh lên trời Tam thập tam, rồi lần lượt sinh lên trời Diêm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Từ đó mạng chung, sinh trở lại cho đến trời Tứ Thiên vương. Nay A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên bảy phen chuyển vòng trong trời người, cuối cùng được làm thân người, xuất gia học đạo, sẽ dứt sạch gốc khổ. Vì sao? Vì vị ấy có lòng tin ở Như Lai.

A-nan nên biết, Cõi Diêm-phù-đề này, Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, Đông Tây bảy ngàn do-tuần. Nếu có người cúng dường người cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?

A-nan bạch Phật:

–Thật nhiều, thật nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

–Nếu chúng sinh nào chỉ trong khoảnh khắc, lòng tín tâm không đứt đoạn, tu tập

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mười niệm, phước kia không thể lường, không có thể đo lường được. Như vậy, A-nan hãy tìm cầu phương tiện tu tập mười niệm.

A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6⁴

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói pháp cực diệu, khoảng đầu, giữa, cuối đều thiện xảo, nghĩa lý sâu xa, đầy đủ tu phạm hạnh. Kinh này gọi là: “Pháp thanh tịnh các lậu”, các ông hãy nhớ nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng theo Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là pháp sạch các lậu? Hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thân cận, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi viễn ly, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi ngộ lạc, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi oai nghi, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.⁵

Sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy? Ở đây, kẻ phàm phu không gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, không thể thủ hộ pháp Hiền thánh, không thân cận Thiện tri thức, không tùng sự với Thiện tri thức; pháp đã được nghe cần tư duy mà không phân biệt; pháp không nên tư duy mà tư duy, khiến cho dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Đó là pháp không nên tư duy mà tư duy.

Sao gọi là pháp nên tư duy, nhưng không tư duy⁶? Pháp nên tư duy là do pháp đó mà dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh thì liền diệt; hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh thì liền diệt; vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh thì liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy mà không tư duy. Điều không nên tư duy mà tư duy, điều nên tư duy lại không tư duy, khiến dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều, hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều, vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Người kia khởi lên tư duy như vậy: “Có quá khứ lâu xa hay không? Ta có thể có trong quá khứ lâu xa ấy.” Hoặc

4. Pāli, M.2. Sabbāsava (R. i. 6). Hán, *Trung 2*, kinh 10.

5. Bảy loại trong *Trung 2* và Pāli. Bản Hán này chỉ có sáu: Kiến đoạn 見斷; *Trung 2*, kiến đoạn; Pāli: Dassanā pahātabbā. Thân cận đoạn 親近斷; *Trung 2*: Dụng đoạn; Pāli: Paṭisevanā pahātabbā. Tư duy đoạn 思惟斷. Viễn ly đoạn 遠離斷. Pāli: Parivajjanā pahātabbā. Ngộ lạc đoạn 娛樂斷. Tư duy đoạn 思惟斷, Pāli: Bhāvanā pahātabbā. Còn lại, không đồng nhất được: Pāli: Saṃvarā pahātabbā (phòng hộ đoạn), adhvāsana pahātabbā (kham nhẫn đoạn), vinodanā pahātabbā (trừ diệt đoạn).

6. Pāli: Dhammā manasikaraṇīyā ye dhamme na manasi karoti, pháp cần được tác ý mà không tác ý.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lại tư duy: “Không có quá khứ lâu xa. Ta có trong quá khứ lâu xa hay không? Ai có trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa hay không? Ta sẽ có trong tương lai lâu xa.” Hoặc lại nói: “Không tương lai lâu xa. Ta sẽ có trong tương lai lâu xa hay không? Ai có tương lai lâu xa? Vì sao có chúng sinh lâu xa này? Chúng sinh lâu xa này từ đâu mà đến? Từ đây mạng chung sẽ sinh về đâu?” Người kia khởi lên những ý nghĩ chẳng lành này liền khởi lên sáu kiến, lần lượt sinh tưởng tà: Thấy rằng có ngã, có kiến này hay không? Thấy rằng không có ngã, có phát sinh kiến này hay không? Thấy rằng vừa có ngã, vừa không ngã, ở trong đó có phát sinh kiến này hay không? Lại do quán sát tự thân khởi lại kiến này: Ở nơi chính ta mà không thấy có ta. Lại khởi lên kiến này: Ở nơi không có ta mà không thấy không có ta, ở trong đó khởi kiến này. Bấy giờ, người kia lại sinh tà kiến này: Ngã đời này cũng là ngã đời sau, tồn tại mãi ở đời không bị tan rã, cũng không biến dịch, lại không dời đổi.⁷ Đó gọi là tụ tà kiến. Tà kiến, tai họa, sầu bi, khổ não đều từ đây sinh, không thể chữa trị, cũng lại không thể loại bỏ, làm tăng gốc khổ. Do đó không phải là hành của Sa-môn, đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tu hành pháp kia không mất thứ lớp, khéo biết thủ hộ, từng sự theo Thiện tri thức. Vị ấy có thể phân biệt, biết rõ pháp nên tư duy và cũng biết rõ pháp nào nên tư duy. Vị ấy không tư duy pháp không nên tư duy; tư duy pháp nên tư duy.

Pháp gì không nên tư duy mà vị ấy không tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh bèn sinh, dục lậu đã sinh bèn tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh bèn sinh, hữu lậu đã sinh bèn tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh bèn sinh, vô minh lậu đã sinh bèn tăng nhiều. Đây gọi là pháp không nên tư duy.

Pháp gì nên tư duy mà vị ấy tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy. Vị ấy cũng không tư duy điều không nên tư duy vị và tư duy điều nên tư duy. Vị ấy tư duy như vậy, liền diệt ba pháp. Những gì là ba? Thân tà, giới đạo và nghi⁸. Nếu không thấy không biết thì tăng thạnh hữu lậu, nếu thấy nghe nghĩ biết thì không tăng thạnh hữu lậu; đã biết, đã thấy thì hữu lậu liền không sinh. Đây gọi là lậu do thấy đoạn được.⁹

Sao gọi là lậu được đoạn bằng kham nhẫn¹⁰? Ở đây, Tỳ-kheo chịu đựng đói lạnh, cần

7. Đoạn Hán dịch này khó thông. Tham chiếu Pāli, sáu kiến chấp về ngã:

1. Atthi me attā, có tự ngã của tôi.

2. Natthi me attā, không có tự ngã của tôi.

3. Attanāva attānaṃ sañjānāmi, do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã.

4. Attanāva anattānaṃ sañjānāmi, do chính tôi, tôi nhận biết không có tự ngã. 5. Anattanāva attānaṃ sañjānāmi, không do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã.

6. Yo me ayam attā vādo vedeyyo tatra tatra kalyāṇapāpakānaṃ kammānaṃ vipākaṃ paṭisaṃvedeti so kho pana me ayam attā nicco dhuvo sassato avipariṇāma-dhammo sassatisamaṃ tatheva ṭhassaṭṭi, tự ngã này của tôi nói, nơi này nơi kia nó cảm thọ báo dị thực của nghiệp thiện ác, cho nên tự ngã này thường tồn, vĩnh cửu, không biến đổi, mãi mãi tồn tại như vậy.

8. Ba kết (Pāli: Tīṇi saṃyojanāni): Thân tà 身耶, tức (hữu) thân kiến (Pāli: Sakkāyadiṭṭhi); giới đạo 戒盜, tức giới cấm thủ (Pāli: Sīlabbataparāmaṃso); nghi 疑 (Pāli: Vicikicchā).

9. Các lậu này, chính yếu là ba kết, được đoạn trừ ở kiến đạo, tức khi thấy bốn Thánh đế. Hán dịch này thiếu mất đoạn nói về thấy bốn Thánh đế, mà trong *Trung 2* và bản Pāli có nói rõ.

10. Hán: Cung kính; nên hiểu là kham nhẫn (Pāli: Adhivāsana). Trong liệt kê, không đề cập mục này. Xem

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khổ, gió mưa, ruồi muỗi, lời ác, mạ nhục, thân sinh thống khổ, rất là đau buồn, mạng sắp muốn đứt, mà có thể nhẫn chịu. Nếu không như vậy, liền sinh khổ não. Nếu có thể kham chịu, thì không sinh như vậy. Đây gọi là lậu được đoạn bởi kham nhẫn*.

Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận¹¹? Ở đây, Tỳ-kheo nắm giữ tâm khi nhận y, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài. Lại nữa, nắm giữ tâm theo thời khát thực, không khởi tâm nhiễm dấm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời. Lại nắm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp. Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sinh tâm nhiễm dấm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận.

Sao gọi là lậu hoặc được đoạn bởi viễn ly? Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ tướng loạn¹² giống như voi dữ, lạc đà, bò ngựa, hổ sói, chó, rắn, hầm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn cao, bùn lầy; thấy đều nên tránh xa chúng; chớ từng sự với ác tri thức, cũng lại không gần gũi với người ác, hay tư duy thuần thực không lìa khỏi đầu mối của tâm. Nếu không giữ gìn¹³ thì sinh hữu lậu, nếu ủng hộ* thì không sinh hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi viễn ly.

Sao gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngộ lạc¹⁴? Ở đây, Tỳ-kheo sinh tướng dục mà không lìa bỏ; khởi tướng sân nhuế cũng không lìa bỏ; lại khởi tướng tật đố cũng không lìa bỏ. Nếu không lìa bỏ thì sinh hữu lậu, nếu có thể lìa bỏ liền có thể không khởi hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngộ lạc.

Sao gọi là lậu được đoạn nhờ oai nghi¹⁵? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc không khởi tướng sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, giữ nhìn nhãn căn đầy đủ, không để khuyết lậu. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi dấm mà giữ gìn ý căn. Nếu không giữ gìn oai nghi mình thì sinh hữu lậu, nếu giữ gìn oai nghi mình thì không có tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi oai nghi.

Sao gọi là lậu được đoạn bởi tư duy? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu pháp này thì sinh tai hoạn hữu lậu. Nếu có thể tu pháp này thì không sinh tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi tư duy.

Lại nữa Tỳ-kheo, ở nơi Tỳ-kheo mà những gì là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến, liền

cht. trên.

¹¹. Xem cht. trên.

¹². Nên hiểu là tránh né những ác thú khi Tỳ-kheo sống trong rừng.

¹³. Nên hiểu, nếu không tránh xa.

¹⁴. Nội dung tương đương với Pāli: Đoạn trừ do trừ diệt (vinodanā). Từ Hán dịch *ngộ lạc* không phù hợp với nội dung. Có lẽ Hán dịch đọc nhầm với từ nào đó.

¹⁵. Nội dung tương đương Pāli: Đoạn tử do phòng hộ (saṃvāra), tức thủ hộ các căn. Hán hiểu là oai nghi tức các cử chỉ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

được đoạn trừ bởi kiến; được đoạn trừ bởi kham nhẫn* liền được đoạn trừ bởi kham nhẫn*, được đoạn trừ bởi thân cận liền thân cận, viễn ly liền được đoạn trừ bởi viễn ly, được đoạn trừ bởi oai nghi liền được đoạn trừ bởi oai nghi, được đoạn trừ bởi tư duy liền tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn ái kết, bỏ ái dục, vượt qua bốn bậc lưu, dần dần thoát khổ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là pháp trừ hữu lậu.

Những gì mà chư Phật Thế Tôn cần làm, vì từ niệm đối với tất cả chúng sinh, nay Ta cũng đã làm xong. Các ông nên luôn luôn vui thích chỗ vắng, ở dưới bóng cây, chuyên cần tinh tấn, chớ có giải đãi. Hiện tại không nỗ lực, sau hối hận cũng vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

